

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

“V/v: Tranh chấp về Ly hôn và quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Hợi

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ nơi thường trú: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991

Địa chỉ nơi thường trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 09/8/2013, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới tôi có về nhà anh Nguyễn Văn B làm dâu, sống cùng mẹ chồng tại xã T, huyện P. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do **anh B** ham chơi, không chịu làm ăn, không tôn trọng vợ con, không đồng thuận về kinh tế, **anh B** còn bắt tôi phải đưa tài chính để chi tiêu cho bản thân. Về cuộc sống tình cảm **anh B** hay ghen tuông vô lý. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn B để mỗi người có 1 cuộc sống mới ổn định.

Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Q trình bày có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/02/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay, tôi đang làm tại công ty TNHH Sam sung Việt Nam, thu nhập lương trung bình hàng tháng là 7.000.000đ, có ký hợp đồng dài hạn. Từ khi vợ chồng sống ly thân **anh B** không gọi điện hỏi thăm hay chu cấp cho con một khoản tiền nào.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị Q không yêu cầu **anh B** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị Q xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung việc đăng ký kết hôn tự nguyện mà chị Q trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không tương đồng, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân tôi cũng nhận thấy chưa chăm lo được cho vợ con nhiều. Đầu năm 2019 vợ tôi có đưa con về ngoại ăn tết và từ đó không quay về nhà tôi nữa. Nay chị Q nộp đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc và đã sống ly thân 1 thời gian nên tôi đồng ý ly hôn chị Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung, tôi có nguyện vọng nuôi con. Hiện nay, Tôi đang làm công nhân tự do, chủ cơ sở sản xuất là anh Thân

Văn Hiệp tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập khoảng 10 triệu/tháng, không ký hợp đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi được quyền nuôi con thì tôi không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn B xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19 tháng 12 năm 2019 và ngày 06 tháng 3 năm 2020, Thẩm phán đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ để các đương sự cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, do chị Hoàng Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn của mình, cho rằng vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bằng. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Hoàng Thị Q và anh Nguyễn Văn B kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50/2013 ngày 09/8/2013. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay chị Hoàng Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xóm Thanh Lương, xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của chị Hoàng Thị Q về việc anh Nguyễn Văn B ham chơi, không chịu làm ăn, không tôn trọng vợ con, không đồng thuận về kinh tế, **anh B** còn bắt chị phải đưa tài chính để chi tiêu cho bản thân. Nay, chị Hoàng Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để chị có cuộc sống ổn định. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Hoàng Thị Q là có cơ sở và cần được chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn B là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Trong quá trình giải quyết cả hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi sinh sống và các yếu tố khác đảm bảo cho việc giao cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng con sinh sống, học tập và phát triển bình thường. Cụ thể như sau:

Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị Quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Q là người có nơi cư trú ổn định, hiện đang làm ở Công ty TNHH Sam sung Việt Nam, có ký hợp đồng dài hạn, thu nhập hàng tháng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ, chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thanh T, vì hiện tại cháu Tùng đang ở nhà chị, do cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc từ mẹ. Xét, yêu cầu của chị Q là có cơ sở, phù hợp với thực tế và điều kiện của chị Q, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và giao cho chị Q là người trực tiếp nuôi cháu T.

Đối với yêu cầu và nguyện vọng của anh Nguyễn Văn B: Hội đồng xét xử nhận thấy, anh B khai có đi làm ở cơ sở tư nhân tại Bắc Ninh thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng nhưng không ổn định, không ký hợp đồng lao động, từ khi vợ chồng sống ly thân anh B cũng không thể hiện việc thăm nom và chu cấp cho việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Bằng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị Quyết không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị Q có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn B là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về Tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị Q và anh Nguyễn Văn B đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/02/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị Q quyết không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị Q quyết có yêu cầu.

- Về quyền thăm nom con: anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị Q, anh Nguyễn Văn B đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000933 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án xác định chị Hoàng Thị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử công khai vụ án ly hôn sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn (chị Hoàng Thị Q) và Bị đơn (anh Nguyễn Văn B), báo cho chị Q và anh B biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên